

**BỘ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG**

-----

Số: 43/2009/TT-BTTTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2009*

**THÔNG TƯ**

**BAN HÀNH DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG  
CẤM NHẬP KHẨU**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin,*

**QUY ĐỊNH:**

**Chương 1.**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Danh mục) và nguyên tắc áp dụng.

2. Thông tư này áp dụng đối với thương nhân Việt Nam; các tổ chức, cá nhân khác hoạt động có liên quan đến thương mại tham gia nhập khẩu hàng hóa là sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, làm mới, sản xuất làm mới sản phẩm công nghệ thông tin* là hoạt động thay thế mới, lắp ráp, sửa chữa, phục hồi, nâng cấp chức năng cho các máy móc, thiết bị công nghệ thông tin đã qua sử dụng;

2. *Sản phẩm công nghệ thông tin được tân trang, làm mới, sản xuất làm mới* là các sản phẩm đã được sửa chữa, thay thế linh kiện, phục hồi chức năng và hình thức tương đương với sản phẩm mới cùng chủng loại, trên bao bì và trên sản phẩm phải có dấu hiệu, nhãn hiệu chỉ rõ là sản phẩm được tân trang, làm mới, sản xuất làm mới;

3. Sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng là sản phẩm công nghệ thông tin được sử dụng để làm phương tiện sản xuất, điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất trong các chuyên ngành cụ thể.

## **Chương 2.**

### **DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU**

#### **Điều 3. Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu**

1. Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu được ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Danh mục này được xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình phát triển của công nghệ thông tin.

#### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng Danh mục**

1. Danh mục chỉ cấm nhập khẩu những hàng hóa có mã 10 số. Những mã 4 số, 6 số và 8 số trong Danh mục chỉ có tác dụng làm rõ nội dung thông tin về chủng loại hàng hóa được quy định cấm bởi mã 10 số.
2. Linh kiện, phụ tùng, cụm linh kiện, phụ kiện đã qua sử dụng của các loại sản phẩm thuộc Danh mục cũng bị cấm nhập khẩu.
3. Sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng nhập khẩu không áp dụng Danh mục trong các trường hợp sau:
  - a) Nhập khẩu để làm dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, làm mới hoặc sản xuất làm mới và tái xuất;
  - b) Nhập khẩu để làm phương tiện sản xuất trực tiếp hoặc làm mẫu phục vụ công tác thiết kế, nghiên cứu phát triển (R&D) theo hình thức mua, thuê, thuê mua, mượn;
  - c) Tái nhập khẩu sau khi đưa ra nước ngoài để bảo hành, bảo trì hoặc sửa chữa, làm mới;
  - d) Nhập khẩu theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một cơ quan, tổ chức;
  - đ) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng;
  - e) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã được tân trang, làm mới, sản xuất làm mới để phục vụ sản xuất thuộc dự án cụ thể, khi thực hiện dự án mang lại hiệu quả kinh tế xã hội hoặc phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.

## **Chương 3.**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2010.
2. Thông tư này thay thế cho Quyết định số 20/2006/QĐ-BBCVT ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và Quyết định số 11/2007/QĐ-BBCVT ngày 24 tháng 5 năm 2007 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 20/2006/QĐ-BBCVT ngày 30 tháng 6 năm 2006.

## Điều 6. Hướng dẫn thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân cần kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Thông tin Truyền thông để giải quyết.

## BỘ TRƯỞNG

### Nơi nhận:

- Thủ tướng, các PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở TT&TT các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Các doanh nghiệp, hiệp hội CNTT;
- Công báo;
- TTĐT CP;
- Cục CNTT&TK (TCHQ);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ TT&TT;
- Website Bộ TT&TT;
- Lưu: VT, CNTT.

Lê Doãn Hợp

## DANH MỤC

SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU (\*)  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2009/TT-BTTTT ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin Truyền thông)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8443	<b>Máy in sử dụng các bộ phận in như bát chữ, trục lăn và các bộ phận in của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machine) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các linh kiện của chúng.</b>
	- Máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau:
8443.31	- - Máy kết hợp hai hoặc ba chức năng in, copy hoặc fax, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:
8443.31.30.00	- - - Máy in-copy-fax kết hợp
8443.32	- - Loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:
8443.32.10.00	- - - Máy in kim
8443.32.20.00	- - - Máy in phun
8443.32.30.00	- - - Máy in laser
8443.32.40.00	- - - Máy fax
8443.32.90.00	- - - Loại khác:

8443.39	-- Loại khác
8443.39.40.00	--- Máy in phun
	- Bộ phận và phụ tùng:
8443.99	-- Loại khác:
8443.99.20.00	--- Hộp mực in đã có mực in
<b>8469</b>	<b>Máy chữ trừ các loại máy in thuộc nhóm 84.43; máy xử lý văn bản</b>
8469.00.10.00	- Máy xử lý văn bản
8469.00.90.00	- Loại khác
<b>8470</b>	<b>Máy tính và các máy ghi, sao và hiển thị dữ liệu loại bỏ túi có chức năng tính toán, máy kế toán; máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các loại máy tương tự, có gắn bộ phận tính toán; máy tính tiền.</b>
8470.10.00.00	- Máy tính điện tử có thể hoạt động không cần nguồn điện ngoài và máy ghi, sao có hiển thị dữ liệu, loại bỏ túi có chức năng tính toán
	- Máy tính điện tử khác:
8470.21.00.00	-- Có gắn bộ phận in
8470.30.00.00	- Máy tính khác
<b>84.71</b>	<b>Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ hay đầu đọc quang, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác.</b>
8471.30	- Máy xử lý dữ liệu tự động, loại xách tay có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình:
8471.30.10.00	-- Máy tính nhỏ cầm tay bao gồm máy tính mini và sổ ghi chép điện tử kết hợp máy tính (PDAs)
8471.30.20.00	-- Máy tính xách tay, kể cả notebook và subnotebook
8471.30.90	-- Loại khác
8471.30.90.10	--- Máy xử lý dữ liệu tự động loại kỹ thuật tương tự (analogue) hay lai (hybrid)
	- Máy xử lý dữ liệu tự động khác:
8471.41	-- Chứa trong cùng một vỏ, có ít nhất một đơn vị xử lý trung tâm, một đơn vị nhập và một đơn vị xuất, kết hợp hoặc không kết hợp với nhau:
8471.41.10.00	--- Máy tính cá nhân trừ máy tính xách tay của phân nhóm 8471.30
8471.41.90	--- Loại khác:
8471.41.90.10	---- Máy xử lý dữ liệu tự động loại kỹ thuật tương tự (analogue) hay lai (Hybrid)
8471.49	-- Loại khác, ở dạng hệ thống:
8471.49.10.00	--- Máy tính cá nhân trừ máy tính bỏ túi của phân nhóm 8471.30
8471.49.90	--- Loại khác:
8471.49.90.10	---- Máy xử lý dữ liệu tự động loại kỹ thuật tương tự (analogue) hay lai (hybrid)
8471.50	- Bộ xử lý trừ loại của phân nhóm 8471.41 hoặc 8471.49, có hoặc không chứa trong cùng vỏ một hoặc hai thiết bị sau: bộ lưu trữ, bộ nhập, bộ

	xuất:
8471.50.10.00	- - Bộ xử lý dùng cho máy tính cá nhân (trừ loại máy tính xách tay)
8471.50.90	- - Loại khác:
8471.50.90.10	- - - Máy xử lý dữ liệu tự động loại kỹ thuật tương tự (analogue) hay lai (hybrid)
8471.60	- Bộ nhập hoặc bộ xuất, có hoặc không chứa bộ lưu trữ trong cùng một vỏ:
8471.60.30.00	- - Bàn phím máy tính
8471.60.40.00	- - Thiết bị nhập theo tọa độ X-Y, bao gồm chuột, bút quang, cần điều khiển, bi xoay và màn hình cảm ứng
8471.70	- Bộ lưu trữ:
8471.70.10.00	- - Ổ đĩa mềm
8471.70.20.00	- - Ổ đĩa cứng
8471.70.30.00	- - Ổ băng
8471.70.40.00	- - Ổ đĩa quang, kể cả ổ CD-ROM, ổ DVD và ổ CD có thể ghi được (CD-R)
8471.80	- Các bộ khác của máy xử lý dữ liệu tự động:
8471.80.10.00	- - Bộ điều khiển và bộ thích ứng
8471.80.70.00	- - Card âm thanh hoặc card hình ảnh
8471.90	- Loại khác:
8471.90.20.00	- - Máy đọc ký tự quang học, máy quét ảnh hoặc tài liệu
<b>85.17</b>	<b>Bộ điện thoại, kể cả điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền và nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác bao gồm thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như nối mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền và nhận của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28</b>
	- Bộ điện thoại, kể cả điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác:
8517.11.00.00	- - Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây
8517.12.00.00	- - Điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác
	- Thiết bị khác để phát hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu, bao gồm thiết bị thông tin hữu tuyến hoặc vô tuyến (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng):
8517.61.00.00	- - Trạm thu phát gốc
8517.62	- - Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, bao gồm thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến:
	- - - Bộ phận của máy xử lý dữ liệu tự động, trừ Loại của nhóm 84.71:
8517.62.21.00	- - - - Bộ điều khiển và bộ thích ứng (adaptor), kể cả công nối, cầu nối và bộ định tuyến
8517.62.30.00	- - - Thiết bị chuyển mạch điện báo hay điện thoại
	- - - Thiết bị dùng cho hệ thống hữu tuyến sóng mang hoặc hệ thống hữu tuyến kỹ thuật số:

8517.62.41.00	- - - - Bộ điều biến/giải biến (modem) kể cả loại sử dụng cáp nối và dạng thẻ cắm
8517.62.42.00	- - - - Bộ tập trung hoặc bộ dồn kênh
	- - - Thiết bị truyền dẫn khác kết hợp với thiết bị thu:
8517.62.51.00	- - - - Thiết bị mạng nội bộ không dây
8517.62.53.00	- - - - Thiết bị phát dùng cho điện báo hay điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng khác
	- - - Thiết bị truyền dẫn khác:
8517.62.61.00	- - - - Dùng cho điện báo hay điện thoại
8517.69	- - Loại khác:
8517.69.10.00	- - - Thiết bị thu xách tay để gọi, báo hiệu hoặc nhắn tin và thiết bị cảnh báo bằng tin nhắn, kể cả máy nhắn tin
8517.69.20.00	- - - Dùng cho điện báo hay điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng (vô tuyến)
<b>8525</b>	<b>Thiết bị truyền dẫn dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn máy thu hoặc máy ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera số và camera ghi hình ảnh nền</b>
8525.50.00.00	- Thiết bị phát
8525.60.00.00	- Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu
8525.80	- Camera truyền hình, camera số và camera ghi hình ảnh:
8525.80.10.00	- - Webcam
8525.80.20.00	- - Camera số và camera ghi hình có gắn thiết bị ghi
<b>8528</b>	<b>Màn hình và máy chiếu, không gắn với máy thu dùng trong truyền hình; máy thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh vô tuyến hoặc âm thanh hoặc máy ghi hoặc tái tạo âm thanh.</b>
	- Màn hình sử dụng ống đèn hình tia ca-tốt:
8528.41	- - Loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu thuộc nhóm 84.71:
8528.41.10.00	- - - Loại màu
8528.41.20.00	- - - Loại đen trắng hoặc đơn sắc khác
8528.49	- - Loại khác:
8528.49.10.00	- - - Loại màu
8528.49.20.00	- - - Loại đen trắng hoặc đơn sắc khác
	- Màn hình khác:
8528.51	- - Loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu thuộc nhóm 84.71:
8528.51.20.00	- - - Loại khác, màu
8528.51.30.00	- - - Loại khác, đen trắng hoặc đơn sắc khác
8528.59	- - Loại khác:
8528.59.10.00	- - - Loại màu
8528.59.20.00	- - - Loại đen trắng hoặc đơn sắc khác
	- Máy thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc máy ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh:

8528.71	-- Không thiết kế để gắn với thiết bị hiển thị video hoặc màn ảnh:
8528.71.10.00	--- Thiết bị chuyển đổi tín hiệu (set top boxes which have a communication function)
8528.71.90	--- Loại khác:
8528.71.90.10	---- Loại màu
8528.71.90.90	---- Loại khác
8528.72	-- Loại khác, màu:
8528.72.10.00	--- Máy thu, hoạt động bằng pin
8528.72.90.00	--- Loại khác
8528.73	-- Loại khác, đen trắng hoặc đơn sắc
8528.73.10.00	--- Máy thu, hoạt động bằng điện hoặc hoạt động bằng pin
8528.73.90.00	--- Loại khác
<b>85.44</b>	<b>Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng từng sợi, đã hoặc chưa gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối.</b>
	- Dây dẫn điện khác, dùng cho điện áp không quá 1.000 V:
8544.42	-- Đã lắp với đầu nối điện:
	--- Dùng cho viễn thông, điện áp không quá 80 V:
8544.42.11.00	---- Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến, ngầm dưới biển
8544.42.19	---- Loại khác:
8544.42.19.20	----- Cáp điện thoại, cáp điện báo, cáp chuyển tiếp vô tuyến
8544.42.20	--- Dùng cho viễn thông, điện áp trên 80 V nhưng không quá 1.000 V:
8544.42.20.10	---- Cáp điện thoại, điện báo, cáp chuyển tiếp vô tuyến, ngầm dưới biển
8544.42.20.20	---- Cáp điện thoại, điện báo, cáp chuyển tiếp vô tuyến, trừ loại ngầm dưới biển
8544.49	-- Loại khác:
	--- Dùng cho viễn thông, điện áp không quá 80 V:
8544.49.11.00	---- Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến, ngầm dưới biển
8544.49.19	--- Loại khác:
8544.49.19.10	----- Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến
	--- Dùng cho viễn thông, điện áp trên 80 V nhưng không quá 1.000 V:
8544.49.31.00	---- Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp dùng cho trạm chuyển tiếp sóng vô tuyến, ngầm dưới biển
8544.49.39	---- Loại khác:
8544.49.39.10	----- Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến
8544.70	- Cáp sợi quang:
8544.70.10.00	-- Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến, ngầm dưới biển

\* Ghi chú:

- Danh mục được lập dựa trên cơ sở Danh mục hàng hóa và Mã số HS trong Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu
- Màn hình dạng CRT và màn hình dạng Plasma thuộc Danh mục cấm nhập khẩu này.
- Máy tính xách tay và màn hình, máy thu hình IP, dạng LED/OLED không thuộc Danh mục này nếu có thời hạn không quá 3 năm kể từ ngày sản xuất đến ngày mở Tờ khai Hải quan.